



Tính tích. Những câu có 10, 11, 12 là mở rộng; không cần học thuộc như một bảng mới.

Họ tên _____

Ngày _____

1 $5 \times 4 = \square$

2 $3 \times 2 = \square$

3 $5 \times 8 = \square$

4 $7 \times 5 = \square$

5 $5 \times 3 = \square$

6 $10 \times 5 = \square$

7 $5 \times 9 = \square$

8 $10 \times 2 = \square$

9 $2 \times 1 = \square$

10 $2 \times 4 = \square$

11 $2 \times 8 = \square$

12 $2 \times 5 = \square$

13 $7 \times 2 = \square$

14 $2 \times 10 = \square$

15 $2 \times 9 = \square$

16 $10 \times 10 = \square$

17 $5 \times 5 = \square$

18 $2 \times 2 = \square$

19 $5 \times 6 = \square$

20 $5 \times 12 = \square$

21 $10 \times 5 = \square$

22 $9 \times 10 = \square$

23 $7 \times 10 = \square$

24 $10 \times 3 = \square$

25 $6 \times 10 = \square$

26 $9 \times 5 = \square$

27 $12 \times 5 = \square$

28 $4 \times 10 = \square$

29 $5 \times 7 = \square$

30 $1 \times 5 = \square$



Indie gợi ý: Muốn nhân với 10, nghĩ đến mười nhóm bằng nhau. Nhân với 12 có thể tách thành nhân với 10 rồi với 2.





Beequation Kids

Đáp án

Nhân với 2, 5 và 10: luyện thêm



1. 20	11. 16	21. 50
2. 6	12. 10	22. 90
3. 40	13. 14	23. 70
4. 35	14. 20	24. 30
5. 15	15. 18	25. 60
6. 50	16. 100	26. 45
7. 45	17. 25	27. 60
8. 20	18. 4	28. 40
9. 2	19. 30	29. 35
10. 8	20. 60	30. 5



Luyện tập cùng cô ong Indie. Chơi câu đố tổ ong miễn phí tại vi.beequation.com hoặc tìm Beequation Kids trên điện thoại, máy tính bảng. Chọn bài vừa sức và nói về cách làm.



Có thể chia sẻ và chỉnh sửa theo giấy phép CC BY 4.0, ghi công Beequation (beequation.com).
<https://creativecommons.org/licenses/by/4.0/>

© 2026 Trett Labs Limited